

Bản án số: 535/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 24-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Thúy Nga
2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 328/2019/HNST ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4797/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5148/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Hồng Minh T, sinh năm 1989.
Hộ khẩu thường trú: 93 C, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ: 25/23 T, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trần Minh T, sinh năm 1986.
Hộ khẩu thường trú: 93 C, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ tạm trú: 25/23 T, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 12/6/2019 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - bà Trương Hồng Minh T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trần Minh T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2014, quyền số I/BT ngày 06/3/2014. Thời

gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc nhưng đến tháng 9/2018 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, suy nghĩ và lối sống. Mặc dù hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống. Thực tế bà và Ông T đã ly thân từ tháng 6 năm 2019, Ông T đã chuyển đi đâu không rõ địa chỉ cụ thể, không liên lạc với vợ con. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trần Minh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và Ông T có 02 con chung tên Nguyễn Trương Minh T (nữ), sinh ngày 22/02/2015 và Nguyễn Trương Minh S (nam), sinh ngày 16/9/2016. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Mức cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện Bà T đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2014; quyền số I/BT do Ủy ban nhân dân phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 3 năm 2014; bản sao Sổ hộ khẩu, bản sao Giấy chứng minh nhân dân của Bà T, Ông T; bản sao Giấy khai sinh con Nguyễn Trương Minh T và con Nguyễn Trương Minh S.

Bị đơn - ông Nguyễn Trần Minh T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật: Tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Trần Minh T. Tuy nhiên, tại tất cả các buổi làm việc theo giấy triệu tập Ông T vắng mặt không lý do, không cung cấp văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử...được thực hiện theo đúng quy định

của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Hồng Minh T được ly hôn ông Nguyễn Trần Minh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Trương Hồng Minh T và ông Nguyễn Trần Minh T có 02 con chung tên Nguyễn Trương Minh T (nữ), sinh ngày 22/02/2015 và Nguyễn Trương Minh S (nam), sinh ngày 16/9/2016. Giao 02 con chung cho bà Trương Hồng Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Mức cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Hồng Minh T xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

Bà Trương Hồng Minh T và ông Nguyễn Trần Minh T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2014; quyền số I/BT do Ủy ban nhân dân phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 3 năm 2014 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà T và Ông T là hợp pháp.

Nay Bà T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Trần Minh T. Xét Ông T cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Trần Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ông T.

[2]. Về pháp luật nội dung:

- Xét yêu cầu của Bà T về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trần Minh T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo trình bày của nguyên đơn - bà Trương Hồng Minh T: Mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm, tính cách, không có sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cuộc sống chung không hạnh

phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; hai bên không còn chung sống từ tháng 6 năm 2019 đến nay.

Theo kết quả xác minh ngày 04/9/2019 của Ủy ban nhân dân phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời Tòa án nhân dân Quận 1 về xác minh tình trạng hôn nhân giữa Bà T và Ông T tại địa phương thì được biết: Ủy ban nhân dân phường chưa nhận được yêu cầu nào liên quan đến phản ánh, giải quyết tranh chấp mâu thuẫn giữa bà Trương Hồng Minh T và ông Nguyễn Trần Minh T. Về nguyên nhân mâu thuẫn, điều kiện nuôi con chung, Ủy ban nhân dân phường không rõ.

Từ khi Bà T nộp đơn khởi kiện, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho Ông T, tiến hành hòa giải nhưng Ông T vắng mặt không có lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án.

Xét cuộc sống chung giữa Bà T và Ông T không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà T và Ông T là trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay, Ông T đã chuyển đi nhưng không rõ chuyển đi đâu, không liên lạc với Bà T và các con chung. Như vậy, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình không đạt được nên yêu cầu ly hôn của Bà T và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, yêu cầu của bà Trương Hồng Minh T về việc ly hôn với ông Nguyễn Trần Minh T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Về con chung: Bà Trương Hồng Minh T khai, quá trình chung sống giữa bà và ông Nguyễn Trần Minh T có hai con chung tên Nguyễn Trương Minh T (nữ), sinh ngày 22/02/2015 và Nguyễn Trương Minh S (nam), sinh ngày 16/9/2016. Xét thấy, khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Từ khi vợ chồng ly thân, Bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con, cuộc sống của các con vẫn ổn định, còn Ông T không có mặt tại địa phương. Do đó, để đảm bảo về vật chất, tinh thần, sự phát triển tâm sinh lý bình thường nên việc giao các con chung cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp theo yêu cầu của đương sự và Điều 92 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

Mức cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 85, 87, 88, 91, 92, 93 và Điều 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Bà Trương Hồng Minh T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Hồng Minh T, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1989 được ly hôn với ông Nguyễn Trần Minh T, sinh ngày 09 tháng 7 năm 1986 (Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2014; quyền số I/BT do Ủy ban nhân dân phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 3 năm 2014).

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Trương Minh T (nữ), sinh ngày 22/02/2015 và Nguyễn Trương Minh S (nam), sinh ngày 16/9/2016 cho bà Trương Hồng Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Mức cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Trần Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai được quyền cản trở, nhưng Ông T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Trương Hồng Minh T.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Hồng Minh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Hồng Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí Bà T đã nộp theo biên lai số AA/2018/0007787 ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Trương Hồng Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Ông Nguyễn Trần Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. 1;
- CCTHADS Q.1;
- UBND P. Bến Thành, Q1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Hạnh